

Bản án số: 218/2026/DS-ST  
Ngày: 24 – 4 – 2026  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lâm Thị Nguyễn**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Hùng**;
2. Bà **Huỳnh Thị Kim Oanh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hoàng Thị Hoài Thanh**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Bà **Dương Thị Tiểu Phương**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1045/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Ngân Hàng N (A)**; Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V**, Chức vụ: **Tổng Giám đốc A**.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: **Ngân hàng N - Chi nhánh C**; Địa chỉ trụ sở: Số B, đường G, ấp C, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông: **Phạm Đức M**, sinh năm: 1967. Chức vụ: **Giám đốc A Chi nhánh C**. (Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm: 1987. Chức vụ: Phó Giám đốc A Chi nhánh C. (Theo giấy uỷ quyền số 599/NHNo-CTTN-KH ngày 06/10/2025), có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983; CCCD: 072083002463; Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh; Bà **Lê Thị Ngọc T1**, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện của Ngân Hàng N (A), ông Nguyễn Trọng Đ trình bày:*

Ngân hàng A Chi nhánh C - Tây Ninh có cho ông Nguyễn Văn T; và bà Lê Thị Ngọc T1 vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 5706LAV202404462 ngày 18 tháng 12 năm 2024, mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua 30 con bò thịt; Số tiền vay: 750.000.000 đồng. Dư nợ đến thời điểm ngày 18/3/2026 là: 867.827.664 (T2 trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 750.000.000 đồng, nợ lãi: 117.827.514 đồng.

Tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 917,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 500; tờ bản đồ số 31; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: DL 990283, số vào sổ cấp giấy: CN16034 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - chi nhánh C cấp 01/8/2003 do ông Nguyễn Văn T đứng tên.

Ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị Ngọc T1 đã vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng tín dụng số 5706LAV202404462 ngày 18/01/2024 về việc quá hạn khoản tiền lãi từ ngày 18/3/2025.

Nay A yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A Chi nhánh C toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 24/4/2026 là 879.917.615 (T2 trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười bảy nghìn sáu trăm mười lăm) đồng, trong đó: nợ gốc: 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 97.047.945 đồng, lãi quá hạn 32.869.669 đồng. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5706LAV202404462 ngày 18/12/2024 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 trả hết nợ.

Nếu ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A Chi nhánh C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 917,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 500; tờ bản đồ số 31; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: DL 990283, số vào sổ cấp giấy: CN16034 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - chi nhánh C cấp 01/8/2003 do ông Nguyễn Văn T đứng tên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1:* Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa để giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

*- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A), buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho A số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/4/2026 là 879.917.615 (T2 trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười bảy nghìn sáu trăm mười lăm) đồng, trong đó: nợ gốc: 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 97.047.945 đồng, lãi quá hạn 32.869.669 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày tiếp theo 25/4/2026 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Trường hợp ông T, bà T1 không thanh toán nợ thì A được xử lý tài sản thế chấp.

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền lại của A, ông Nguyễn Trọng Đ có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và ông T, bà T1.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 24/4/2026 là 879.917.615 (T2 trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười bảy nghìn sáu trăm mười lăm) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5706LAV202404462 ngày 18 tháng 12 năm 2024. Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 cư trú tại ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân Hàng N (gọi tắt là A) yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 trả số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/04/2026 là 879.917.615 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 5706LAV202404462 ngày 18/12/2024; Thời hạn cho vay: 12 tháng (kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 18/12/2025); Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 30 con bò thịt; Lãi suất: điều chỉnh, tại thời điểm giải ngân là 9,5%/năm.

Xét thấy, theo Hợp đồng tín dụng số 5706LAV202404462 ngày 18/12/2024 giữa ông T, bà T1 và A. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 đã được giải ngân theo hợp đồng cấp tín dụng, tuy nhiên ông T, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ về việc quá hạn khoản tiền vay từ ngày 18/3/2025. Việc ông T, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của A. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A buộc ông T, bà T1 có nghĩa vụ thanh toán cho A số tiền tính đến ngày 24/4/2026 là: 879.917.615 (T2 trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười bảy nghìn sáu trăm mười lăm) đồng, trong đó: nợ gốc: 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 97.047.945 đồng, lãi quá hạn 32.869.669 đồng.

[3.2] Về tài sản đảm bảo: Khi vay ông T, bà T1 có thể chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 539/2023/HĐTC ngày 12/12/2023 (được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng: 008613, quyển số 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD), Hợp đồng sửa đổi, bổ

sung HĐTC số: 609/2024/HĐSDBS ngày 18/12/2024 (được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng: 008445, quyền số 12/2024 TP/CC-SCC/HĐGD).

Tài sản bảo đảm là: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 917,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 500; tờ bản đồ số 31; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: DL 990283, số vào sổ cấp giấy: CN16034 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - chi nhánh C cấp 01/8/2003 do ông Nguyễn Văn T đứng tên. Do đó, trường hợp ông T, bà T1 không trả được nợ cho A thì A được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 -Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, A không phải chịu chi phí tố tụng và án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 292, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A) đối với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N (A) số tiền tính đến ngày 24/4/2026 là: 879.917.615 (T2 trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười bảy nghìn sáu trăm mười lăm) đồng, trong đó: nợ gốc: 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 97.047.945 đồng, lãi quá hạn 32.869.669 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông T, bà T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không

đúng nghĩa vụ thì A được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 539/2023/HĐTC ngày 12/12/2023 (được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng: 008613, quyển số 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD), Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTC số: 609/2024/HĐSĐBS ngày 18/12/2024 (được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng: 008445, quyển số 12/2024 TP/CC-SCC/HĐGD). Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 917,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 500; tờ bản đồ số 31; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: DL 990283, số vào sổ cấp giấy: CN16034 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - chi nhánh C cấp 01/8/2003 do ông Nguyễn Văn T đứng tên.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 thanh toán xong các khoản nợ nêu trên thì A có nghĩa vụ giải chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 539/2023/HĐTC ngày 12/12/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTC số: 609/2024/HĐSĐBS ngày 18/12/2024 cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N (A) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T1 phải chịu số tiền 38.397.528 (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi tám) đồng án phí.

+ Ngân hàng N (A) được nhận lại số tiền 18.132.179 (mười tám triệu một trăm ba mươi hai nghìn một trăm bảy mươi chín) đồng tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp theo biên lai thu số 0011063 ngày 06/11/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;
- CCTHADS khu vực 10 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lâm Thị Nguyệt**